

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
-----NEDI2-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

VINACONEX

N E D I 2

Lào Cai, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung	1
1	Thông tin khái quát.....	1
2	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	1
3	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
4	Định hướng phát triển.....	6
5	Các rủi ro.....	7
II.	Tình hình hoạt động trong năm	7
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2	Tổ chức nhân sự.....	9
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	11
4	Tình hình tài chính.....	13
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	14
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	15
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	16
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
2	Tình hình tài chính.....	18
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	19
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19
5	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	19
6	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty...19	
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	20
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	20
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.....	23
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	24
V.	Quản trị công ty	24
1	Hội đồng quản trị.....	24
2	Ban kiểm soát.....	28
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích HĐQT, Ban GD và BKS.....	31
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	33
1	Ý kiến kiểm toán.....	33
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	33

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300 21 55 27 tỉnh Lào cai cấp ngày: 05/07/2013
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 415.296.507.633 VNĐ
- Địa chỉ: Số 336 đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại: 0203 501 540
- Số fax: 0203 903 661
- Website: www.nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.
 - + Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một tổng công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.
 - + Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.
 - + Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

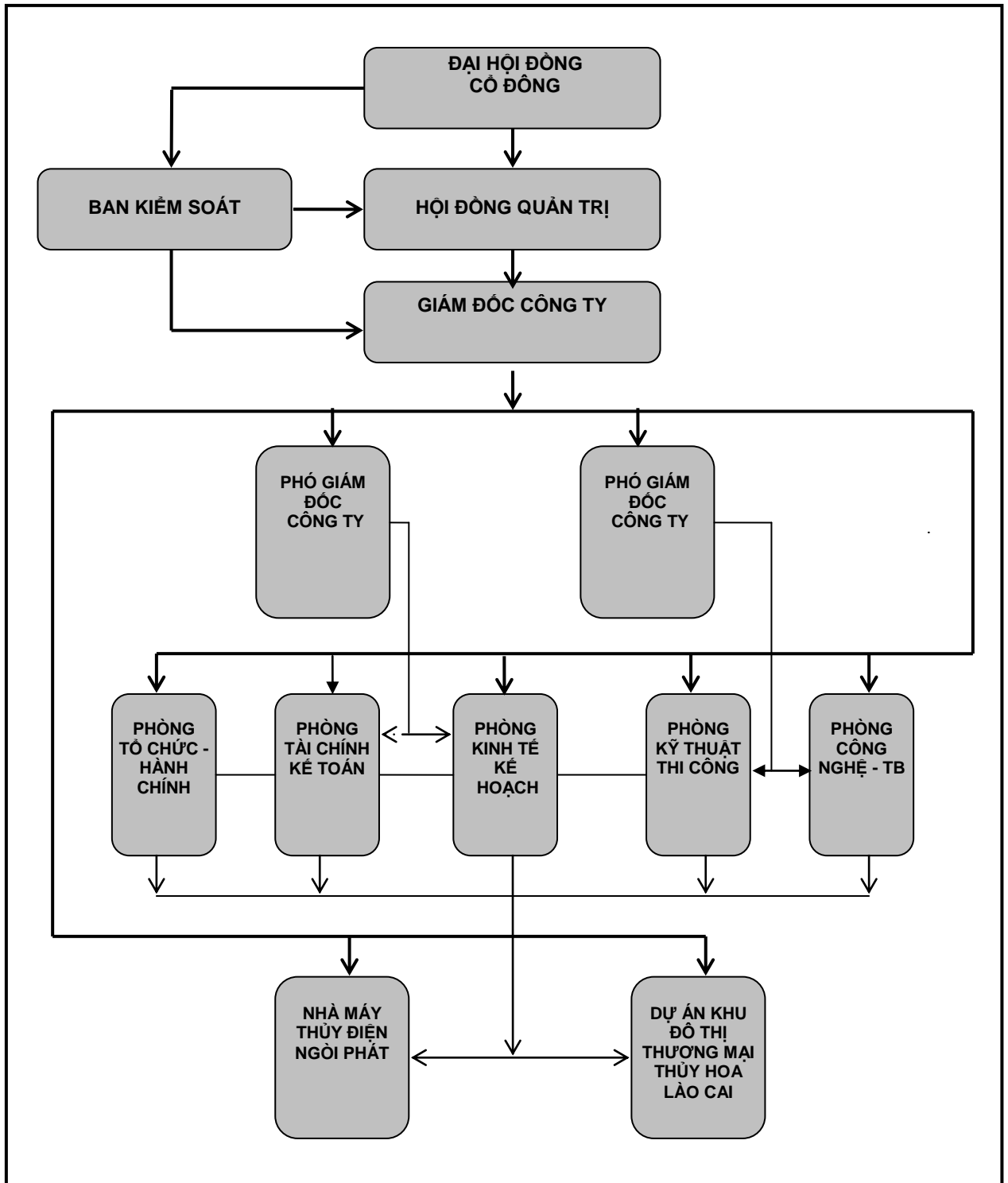
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;
 - + Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
 - + Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
 - + Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng;

- + Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.
- Địa bàn kinh doanh: Tại nhà máy thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình Quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị Công ty:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- + Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Tỷ lệ % so với vốn thực góp	Người đại diện quản lý phần vốn (đối với cổ đông là tổ chức)	CP Thực góp
I	Các cổ đông pháp nhân			
1	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam			
		61,88%	Nguyễn Ngọc Điệp	25.700.000
		7,22%	Nguyễn Hữu Ngọc	3.000.000
		7,22%	Ứng Hồng Vận	3.000.000
2	Công ty CP xây dựng CTN (VINAVICO)	0,21%	Nguyễn Thanh Hoàn	89.000
3	Công ty chứng khoán SME	1,69%	Phan Huy Chí	700.000
II	Các thể nhân và pháp nhân khác	21,78%		9.040.650
	Cộng	100%		41.529.650

b. Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Nguyễn Ngọc Điệp	1959		Ba Đình, Hà Nội	1	KSXĐ-Th. sỹ	Cao cấp		Chủ tịch
2	Nguyễn Hữu Ngọc	1973		Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. Cấp		Ủy viên
3	Nguyễn Thành Phương	1955		Kim Động, Hưng Yên	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
4	Ứng Hồng Vận	1962		Từ Liêm, Hà Nội	1	KSCK	Tr. Cấp		Ủy viên

c. Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLCT	NN	

1	Đặng Thanh Huân (Vinaconex)	1964		Bình Giang, Hải Dương	1	ĐH TC TD	Cao cấp		Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Xuân Dũng (BIDV)	1980		Tây Hồ, Hà Nội	1	Thạc sĩ	Tr. cấp		Ủy viên
3	Hoàng Trọng Thạch (SME)	1979		Kim Động, Hưng Yên	1	CN luật	Sơ cấp		Ủy viên

d. Ban Giám đốc:

- Giám đốc công ty - Phụ trách chung:

Ông: **Ứng Hồng Vận**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1962

Số CMTND: 013479110

Công an Hà Nội cấp 06/10/2011

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán: Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Xã Cổ Nhuế - Từ Liêm – Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

0976 292 488

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí- Đại học kỹ thuật CN Việt Bắc

Quá trình công tác:

03/1987 – 02/2006 Công tác tại Tổng công ty LILAMA Việt Nam

03/2006 – 07/2006: Phó giám đốc, Ban điều hành hồ chứa nước Cửa Đạt TCT cổ phần Vinaconex.

07/2006 – 06/2008: PGĐ Ban quản lý xi măng Cẩm Phả TCT cổ phần Vinaconex

06/2008 – 01/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả TCT cổ phần Vinaconex

01/2010 – 06/2010: Phó giám đốc công ty đá trắng Vinaconex

07/2010 – 05/2011: Giám đốc công ty đá trắng Vinaconex

05/2011 – 01/2013: Chuyên viên ban đầu tư TCT Vinaconex

01/2013 – 04/2013: Phó Tổng giám đốc công ty Viwasupco – Tổng công ty CP vinaconex

05/2013 – nay Giám đốc công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

Chức vụ công tác hiện nay:

Ủy viên hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Số cổ phần nắm giữ: 3.005.500 CP

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 5.500 CP

+ Đại diện sở hữu: 3.000.000CP

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

- Phó Giám đốc - Phụ trách kinh tế kế hoạch – đầu tư:

Họ và tên: **Nguyễn Hải Đăng**
Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 07 tháng 05 năm 1973
Nơi sinh: Viện Quân y 103, phường Phúc La, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Nhà 18/C5, Khu tập thể Học viện quân y, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Email: dang_nedi2@yahoo.com
Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1996 - 2001	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
2001 - 2002	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2002 - 2003	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2003 - 2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - VINACONEX)
7/2004 - 7/2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
7/2007 - nay	Phó giám đốc Công ty cổ phần Nedi2

- Phó Giám đốc - Phụ trách Kỹ thuật:

Họ và tên: **Trần Vĩnh Hào**
Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 23/11/1976
Nơi sinh: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp
Quá trình công tác:	
Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
06/1997 – 04/2002	Kỹ sư xưởng sản xuất công ty TNHH VIT-METAL km 9 đường Bắc thẳng long Nội Bài xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
05/2002 – 04/2005	Kỹ sư giám sát liên danh VIKOWA (VINACONEX&KOLON) thầu dự án cấp nước 1 A
05/2005 – 06/2008	Kỹ sư giám sát, chuyên viên Ban quản lý đầu tư XD hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội – Tổng công ty VINACONEX
06/2008 – 03/2009	Phó trưởng ban CBSX nhà máy nước VINACONEX
03/2009 – 02/2011	Phó tổng giám đốc công ty nước sạch VINACONEX (VIWASUPCO)
03/2011 – 04/2014	Chuyên viên ban điều hành thi công dự án khu đô thị Bắc An Khánh – Tổng công ty VINACONEX
05/2014 – 09/2014	Chuyên viên BXD Tổng công ty biệt phái công tác tại công ty CP đầu tư và phát triển điện MB 2 đảm nhận Tổ trưởng tổ kiểm soát hệ thống thiết bị đồng bộ NM thủy điện Ngòi Phát
10/2014 - nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

- Các công ty con: không có

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2016:
 - + Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
 - + Sản lượng điện thương phẩm đạt 346 triệu Kwh
 - + Doanh thu của Công ty năm 2016 đạt 345 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế 46 tỷ đồng
 - + Phần đầu cổ tức chi trả cho cổ đông trên 10%.
 - + Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
 - + Tập trung quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước và hoàn thành phê duyệt quyết toán trong quý III/2016;
 - + Đầu tư xây dựng dự án Nâng công suất nhà máy thủy điện Ngòi Phát và tiếp tục triển khai tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới tại địa bàn Lào Cai.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Vận hành an toàn, an ninh và hiệu quả Nhà máy thủy điện Ngòi Phát đảm bảo trả nợ đúng hạn và đảm bảo lợi ích của cổ đông, không ngừng nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên của Công ty.

- + Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô nhỏ dưới 30 MW tại tỉnh Lào Cai và/hoặc vùng Tây Bắc;
- + Tìm kiếm và tham gia vào các dự án kinh doanh khai thác khoáng sản và khai thác VLXD tại Lào Cai là những thế mạnh của tỉnh Lào Cai và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai được phê duyệt;
- + Điều chỉnh lại quy hoạch, đầu tư và phát triển dự án đô thị thương mại Thủy Hoa tại thành phố Lào Cai thành một mô hình đầu tư và kinh doanh bất động sản có hiệu quả trong khu kinh tế cửa khẩu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.
- + Tiến tới hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư. Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, coi đó là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

5. Các rủi ro:(Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Khả năng công ty không hoàn thành kế hoạch năm 2016 chủ yếu phụ thuộc vào tình hình thủy văn năm 2016 tại khu vực Bát Xát tỉnh Lào Cai và các rủi ro khác khi vận hành nhà máy trong điều kiện quá tải.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
 - + Năm 2015 là năm đầu đưa nhà máy thủy điện Ngòi Phát tỉnh Lào Cai đi vào vận hành sản xuất nên chưa có số liệu thủy văn thống kê của năm trước để so sánh. Trong năm 2015, về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao, công tác sản xuất đảm bảo an toàn. Trong năm có biến động lớn về kế hoạch sản xuất kinh doanh, sản lượng điện vượt 19,2%, doanh thu vượt 23,4% lợi nhuận kế hoạch lỗ -0,5 tỷ đồng thực hiện lãi 67,78 tỷ đồng nguyên nhân đạt được Nhà máy đã tận dụng triệt để lượng nước để vận hành phát điện với công suất tối đa và sự phối hợp chặt chẽ với các cấp điều độ Ao,A1(thuộc EVN) dẫn đến các tổ máy luôn được nổi lưới khi có nước về.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:
 - + Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong năm đầu tiên. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Sản lượng	Đvt	SL kế hoạch và thực hiện	Sản lượng theo công suất kế	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Sản lượng kế hoạch 2015	Tr.kwh	316,89	303,5	13,39	104,4%
2	Sản lượng thực hiện 2015	Tr.kwh	377,94	303,5	74,94	124,5%

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	316,89	377,94	61,05	119,2%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	312,4	386,34	73,94	123,4%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	312,9	318,56	5,66	100,1%
	<i>Tiền lương</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17,83</i>	<i>19,2</i>	<i>1,37</i>	
	<i>BHXH, BHYT, BHTN, ăn ca, chế độ khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,4</i>	<i>2,76</i>	<i>0,36</i>	
	<i>Chi phí quản lý</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,78</i>	<i>2,5</i>	<i>-0,28</i>	
	<i>Chi phí sản xuất nhà máy: sửa chữa thường xuyên, vật tư thay thế..</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12,5</i>	<i>12,5</i>		
	<i>Khấu hao</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>68,4</i>	<i>69,2</i>	<i>0,8</i>	
	<i>Phí DVMTR, thuế tài nguyên</i>		<i>25,4</i>	<i>30,4</i>	<i>5,0</i>	
	<i>Bảo hiểm tài sản HTSĐT</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,0</i>	<i>2,8</i>	<i>0,2</i>	
	<i>Chi phí các dự án Chu Linh-Cốc San, Tà Thành phân bổ vào năm 2015</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>8,9</i>	<i>8,9</i>	
	<i>Chi phí đầu tư trước hoạt động theo ý kiến kiểm toán đầu tư phân bổ vào năm 2015</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>3,57</i>	<i>3,57</i>	
	<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	
	<i>Chi phí khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>5,59</i>	<i>5,59</i>	
	<i>Lãi vay</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>154,3</i>	<i>142,4</i>	<i>-11,9</i>	
	<i>Phí bảo lãnh vay vốn</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>22,1</i>	<i>16,2</i>	<i>-5,9</i>	
	<i>Phí Bảo lãnh mua cổ phần của Techcombank</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4,2</i>		<i>-4,2</i>	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(0,5)	67,78		

- + Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh:
- + Hoạt động của nhà máy nhìn chung và hệ thống thiết bị nói riêng chưa ổn định: Do Công ty mới nhận bàn giao thiết bị để lâu từ các nhà thầu nên chưa hoàn toàn làm chủ được hệ thống thiết bị, vẫn thường xuyên xảy ra các lỗi nhỏ sự cố - thay thế dẫn đến phát sinh chi phí sửa chữa, thuê chuyên gia và mua sắm thiết bị dự phòng, thay thế.

- + Về công tác quản lý, công tác tài chính: Với tỉ lệ vốn vay chiếm 80% TMĐT nên dự án thủy điện Ngòi Phát có dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng rất lớn: Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng gần 50% doanh thu, đồng thời gánh theo chi phí bảo lãnh vay vốn lớn trên số dư nợ hơn 1.000 tỷ đồng. Công tác thu hồi vốn, dòng tiền bán hàng đạt yêu cầu, bình quân tiền về sau 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đầy đủ hồ sơ thanh toán lên Công ty Mua bán điện, qua đó Công ty sử dụng dòng tiền linh hoạt, hiệu quả hơn.
- + Trong năm 2015, Công ty cũng được quan tâm, ủng hộ tích cực của Tổng công ty Vinaconex thông qua việc được Tổng công ty giảm phí bảo lãnh vay vốn ngân hàng BIDV từ 2%/năm xuống 1%/năm trên tổng dư nợ vay của Ngân hàng BIDV kể từ tháng 07/2015 (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng). Ngoài ra, việc BIDV đồng ý giảm 0,5% lãi suất biên (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng) góp phần tăng đáng kể hiệu quả hoạt động SXKD của nhà máy.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành Công ty:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đăng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Số hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN		
1	Ứng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KSCK	Sơ cấp		Giám đốc C.ty	5.500
2	Nguyễn Hải Đăng	1973		Hà Đông, Hà Nội	1	CNKT	C. cấp		PGĐ	26.000
3	Trần Vĩnh Hào	1976		Vân Canh, Hoài Đức	1	KS tự động	Sơ cấp		PGĐ	3.000
4	Đình Tuấn Anh	1977		Yên Khánh, Ninh Bình	0	CNKT	Sơ cấp		KTT	

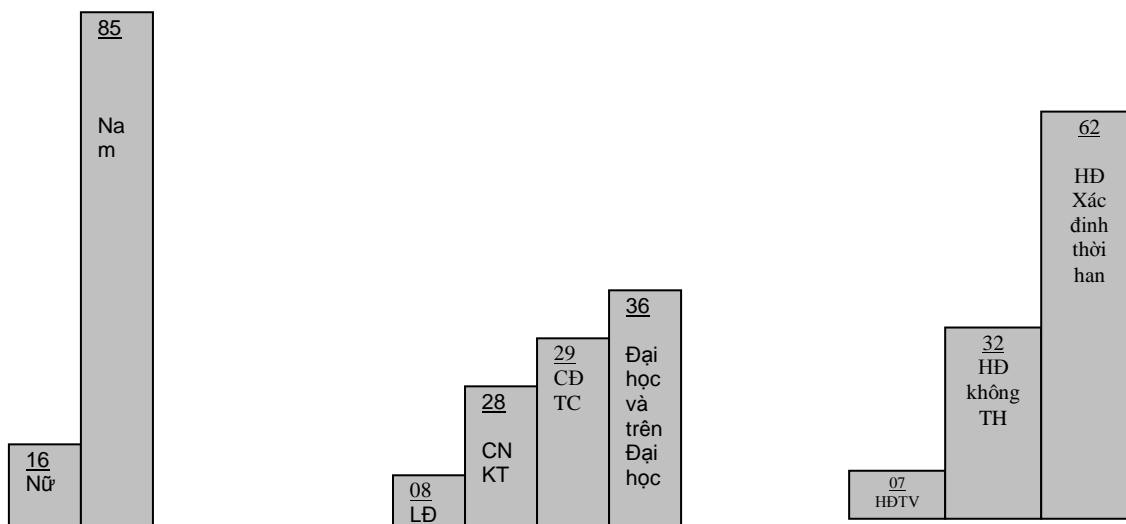
- Những thay đổi trong ban điều hành 2015: Không có
- Số lượng CBNV trong công ty và cơ cấu lao động:

Giới	số lao động tại thời điểm 01/3/2016	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	85	Không thời hạn	32
Nữ	16	Có thời hạn	62
Tổng	101	Theo mùa vụ	07

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm 01/3/2016
Đại học và trên đại học	36

Cao đẳng, trung cấp	29
CNKT	28
Lao động phổ thông	08

(vẽ biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)



Biểu đồ LĐ theo giới

Biểu đồ LĐ theo trình độ

Biểu đồ loại HĐLĐ

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:
 - + Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện theo kế hoạch giao; thực hiện công tác quyết toán sau đầu tư dự án thủy điện Ngòi phát và đầu tư dự án khu đô thị Thủy hoa tại thành phố Lào Cai vì vậy cơ cấu lao động của công ty trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án trên là hợp lý.
- Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:
 - + Nhiệm vụ chính của công ty là đảm bảo VH nhà máy ổn định – an toàn an ninh – tin cậy và hoàn thành vượt mức sản lượng giao; hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát ; triển khai các dự án mới theo kế hoạch được duyệt . Vì vậy cơ cấu lao động trên là hợp lý.
- Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:
 - + Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho công ty.
- Chính sách đối với người lao động
 - + Công ty thành lập theo Luật doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ khi Luật BHXH có hiệu lực thi hành kể từ 01/1/2016.

- + Phụ cấp của ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách được công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo;
 - + Bảng lương của Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (Vận dụng theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ).
 - + Bảng phụ cấp giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó phòng công ty (áp dụng theo TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ);
 - + Bảng lương nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của công ty (Áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương của công ty ban hành năm 2016 theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ)
 - + Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...);
 - + Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.
 - + Và các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV công ty.
- Chính sách đào tạo:
 - + Công tác đào tạo thường xuyên và đào tạo bổ sung: Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu, công tác dự toán.....vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học công ty chi trả 100%.
 - Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được công ty cân đối bố trí, công ty sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo/khóa học.
 - Chính sách trợ cấp: Lãnh đạo công ty phối hợp với BCH công đoàn công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV: Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro
 - Mức lương bình quân: Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2015 là: 13.500.000 đồng/người/tháng.

3/ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn

- Dự án nghiên cứu, khảo sát nâng công suất NM thủy điện Ngòi Phát.
 - + Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát sau một năm đưa vào khai thác vận hành thực tế cho thấy lưu lượng nước tự nhiên về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện lớn nhất của Nhà máy, qua báo cáo kết quả thực tế vận hành từ đầu năm đến nay đã có được số liệu thủy văn cần thiết. Để có thể tận dụng được một phần lượng nước dư thừa và tăng hiệu quả kinh tế vận hành của Nhà máy, Công ty NEDI2 đã làm việc với Công ty Andritz Hydro (Nhà thiết kế, cung cấp, lắp đặt và chuyển giao thiết bị) về khả năng nâng công suất Nhà máy thủy điện Ngòi Phát. Trong năm 2015, công ty đã thực hiện:
 - + NEDI2 gửi thư mời AH đề nghị đánh giá phương án, Công ty AH có văn bản trả lời xác nhận Đề án nâng công suất có thể thực hiện được, đồng thời AH đề xuất sơ bộ về phương án kỹ thuật báo cáo NEDI2 và khẳng định nhà máy có thể nâng công suất lên 17% so với thiết kế hiện nay là 72 MW (tăng thêm 12 MW). Trên cơ sở tài liệu được cung cấp từ AH, NEDI2 mời Đơn vị Tư vấn là Công ty Cổ phần tư vấn xây

- dựng Điện 1 (PECC1) hợp tác, tham gia thẩm tra, đánh giá sơ bộ về khả năng nâng công suất nhà máy.
- + Theo báo cáo sơ bộ của Tư vấn PECC1 kết luận nhà máy có khả năng nâng công suất đến 15% (tăng thêm 10,8 đến 11 MW so với công suất TK 72 MW, tăng thêm 4,8 -5MW so với công suất vận hành tối đa hiện nay). Đánh giá dự án nâng công suất nếu khả thi sẽ mang lại hiệu quả rất cao (doanh thu dự kiến sẽ tăng thêm khoảng 12 tỷ đồng/năm, tổng vốn đầu tư khoảng 35 tỷ đồng, suất đầu tư 7 tỷ/MW, thủ tục pháp lý sẽ không mất nhiều thời gian so với việc đầu tư nếu các dự án mới). Vì vậy, Công ty đặt mục tiêu triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư và thực hiện dự án này trong năm 2016.
 - Dự án thủy điện Suối Chăn 1.
 - + Năm 2015, thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty cổ phần Vinaconex về việc giao nhiệm vụ cho Công ty NEDI2 tổ chức nghiên cứu, triển khai các thủ tục xúc tiến đầu tư dự án thủy điện Suối Chăn 1. Công ty đã hoàn thành báo cáo đánh giá dự án và đề xuất phương án hợp tác đầu tư khai thác dự án trình Tổng công ty CP Vinaconex xem xét. Hiện nay, các bước triển khai tiếp theo đã và đang được Tổng công ty Vinaconex chủ trì và trực tiếp đàm phán với đối tác. NEDI2 tiếp tục bám sát, cập nhật kịp thời các thông tin cho Tổng công ty, đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn PECC1 rà soát lại TMĐT dự án đảm bảo tính đúng, đủ theo quy định hiện hành khi các bên hợp tác thực hiện đầu tư dự án này.
 - Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa.
 - + Dự án này được phê duyệt từ năm 2007, tuy nhiên do các nguyên nhân khác nhau NEDI2 đã trì hoãn tiến độ nhiều lần nên hiện nay UBND tỉnh Lào Cai không chấp thuận gia hạn tiến độ và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho NEDI2, đồng thời yêu cầu trong trường hợp Chủ đầu tư tiếp tục triển khai Dự án thì sẽ phải thực hiện lại các thủ tục theo trình tự đầu tư. Với tình hình như trên, Công ty NEDI2 báo cáo đề xuất các phương án như sau:
 - + **Phương án 1** (tiếp tục thực hiện dự án): Công ty sẽ tiếp thu và thực hiện các yêu cầu theo kết luận chỉ đạo của UBND Tỉnh Lào Cai để nhanh chóng hoàn chỉnh thủ tục pháp lý về đất đai, thủ tục đầu tư, quy hoạch điều chỉnh dự án để sớm triển khai đầu tư, tuy nhiên Công ty đánh giá thực hiện phương án này sẽ gặp rủi ro lớn vì thực tế NEDI2 là đơn vị trái ngành về bất động sản - dịch vụ - khách sạn. Mặt khác, NEDI2 mới bắt đầu thực hiện SXKD nhà máy thủy điện Ngòi Phát từ năm 2015, trong khi chi phí cho các thủ tục đầu tư ban đầu nếu triển khai dự án Thủy Hoa là khá lớn nên Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chính khi thực hiện. Đồng thời thị trường khách sạn cao cấp tại Lào Cai cũng không tốt.
 - + **Phương án 2** (nhượng bán dự án): Công ty sẽ khẩn trương, gấp rút phối hợp với Tổng công ty CP Vinaconex tìm kiếm và nhượng bán toàn bộ/hoặc hợp tác đầu tư với nhà đầu tư bên ngoài (đối tác có thể mua lại toàn bộ hoặc nắm quyền chi phối khi tham gia, NEDI2 sẽ rút dần ra khỏi dự án). Đây là phương án Công ty đang ưu tiên thực hiện.
 - + **Phương án 3** (không thực hiện dự án): Trong trường hợp không tìm được đối tác nhượng bán, Công ty chủ động báo cáo UBND tỉnh Lào Cai thông báo bàn giao lại dự án cho địa phương và đề nghị Tỉnh Lào Cai nhanh chóng hoàn trả lại số tiền NEDI2 đã đầu tư vào dự án trong giai đoạn trước đây (tổng số 10,36 tỷ đồng).
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	2015	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	2.034.448.938.131	2.056.354.915.903	1,08%
Doanh thu thuần	172.587.387	385.521.950.687	223.277,82%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161.168.170	66.994.905.834	41.468,32%
Lợi nhuận khác	29.281.602	794.350.559	2.610,80%
Lợi nhuận trước thuế	190.449.772	67.789.256.393	35.494,30%
Lợi nhuận sau thuế	148.550.823	67.789.256.393	45.533,71%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2014	2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,48	0,83	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,48	0,77	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>/Nợ ngắn hạn</u>			

2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	78,55 3,66	75,91 3,15	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0,19	Sản xuất điện không Có hàng tồn kho
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	60,41% 0,04% 0,01% 77,45%	17,55% 16,32% 3,30% 17,55%	Miễn thuế TNDN

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

a. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu của Công ty	: 41.529.650 cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành	: 41.529.650 cổ phiếu
Trong đó:	
+ Đã lưu ký	: 8.504.550 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký	: 33.025.100 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	: 6.200.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ %
I	Pháp nhân		
1	TCT CP VINACONEX	31.700.000	76,33%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	700.000	1,69%
3	Công ty cổ phần xây dựng công	89.000	0,21%

	trình ngầm		
4	Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai	55.550	0,13%
5	Công ty cổ phần cơ điện lạnh	14.900	0,04%
6	Công Đoàn cơ sở chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Từ Sơn	7.320	0,02%
7	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Vinaconex 36.	1.700	0,0041%
	Cộng (I)	32.568.470	78,42%
II	Thẻ nhân trong nước	8.960.980	21,58%
1	Cổ đông lớn thẻ nhân (Bà Đồng Thị Lan)	3.457.500	8,33%
2	Thẻ nhân khác	5.503.480	13,25%
III	Thẻ nhân nước ngoài	200	0,00048%
	Tổng cộng (I+II+III)	41.529.650	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2015 không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

e. Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nhiên liệu được sử dụng để sản xuất: 20.000Kg/năm (**Hợp đồng: 08A/2015/NEDI2-CNTB ngày 06/10/2015**);

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nhiên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất: 2.000 Kg/năm;

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng phục vụ trực sản xuất Nhà máy: 223.2 Mwh/năm (**Trực tiếp**);

- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt: 72Mwh/năm (**Gián tiếp**).

Ghi chú: Năng lượng phục vụ sản xuất trực tiếp và gián tiếp năm 2015 được xác định tương đối bằng giá trị của tháng 1/2015 nhân với 12 tháng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

❖ Phía thượng lưu Nhà máy:

- Thủy điện Mường Hum (**nhánh chính**);

- Suối Bản Xèo (**nhánh phụ**).

❖ Lượng nước sử dụng: 465.870.096 m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- ❖ Số lượng lao động:
 - Trực tiếp: 49 người;
 - Gián tiếp: 12 người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động:

- ❖ Về thời gian làm việc:
 - Bộ phận hành chính:
 - +) Sáng: từ 7h30 đến 12h00;
 - +) Chiều: từ 13h30 đến 17h00.
 - Bộ phận đi ca:
 - +) Ca 1: từ 6h đến 14h;
 - +) Ca 2: Từ 14h đến 22h;
 - +) Ca 3: Từ 22h đến 6h.
- ❖ Chính sách:
 - Có phụ cấp ca 3: 15% cơ bản;
 - Tham hỏi người lao động trong lúc ốm đau.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- ❖ Đào tạo ngoài:
 - Đào tạo trưởng ca (**EVN**);
 - Đào tạo thị trường điện (**EVN**);
 - Đào tạo quản lý, vận hành đường dây 110kV (**EVN**);
 - Đào tạo AT – VSLĐ (**EVN**);
 - Đào tạo PCCN (**phòng PCCN Lào Cai**);
 - Đào tạo các lớp ngắn hạn (**phục vụ quản lý**);
- ❖ Tự đào tạo:
 - Đào tạo trưởng kíp, trực trung tâm, trực gian máy, trực cửa nhận nước;
 - Đào tạo sửa chữa đường dây 110 KV, điện – tự động hóa, cơ khí – thủy lực;
 - Đào tạo PCLB, PCCN.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Làm đường giao thông: San Bang- Mường Vi; VH1; VH2; Bản Xèo; Dền Thàng;
- Hỗ trợ xây Nhà Văn Hóa;
- Hỗ trợ gây quỹ hoạt động cộng đồng địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đánh giá điều kiện thủy văn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:
 - + Năm 2015 là năm đầu đi vào vận hành sản xuất nên chưa có số liệu thủy văn thống kê của năm trước để so sánh, Công ty dựa vào số liệu thủy văn tổng hợp của 47 năm trong thiết kế làm cơ sở để lập kế hoạch vận hành SXKD 2015. Năm nay ít mưa và mùa mưa đến muộn đối với toàn khu vực miền Bắc nhưng tại lưu vực Ngòi Phát tình

hình thủy văn vừa phải và mưa đều. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi Phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ.

- + Vào mùa khô, Nhà máy đã tận dụng triệt để lượng nước để vận hành phát điện, đồng thời thực hiện công tác sửa chữa bảo trì sửa chữa. Vào mùa mưa nhiều nước Nhà máy đã thường xuyên vận hành các tổ máy ở công suất tối đa 108% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, mặc dù mới là năm đầu vào vận hành nhưng Công ty và Nhà máy đã có sự liên hệ và phối hợp rất tốt với các cấp điều độ Ao, A1 (thuộc EVN) dẫn đến các tổ máy luôn được nổi lưới khi có nước về.
- + Tối ưu công tác vận hành - BTSC - khắc phục sự cố tăng công suất vận hành tức thời, tăng thời gian vận hành so với thiết kế.
- + Tổng hợp từ các yếu tố trên, Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng (triệu kWh)	Tỷ lệ % so với thiết kế	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Ghi chú
1. Sản lượng điện thương phẩm theo công suất thiết kế	303,5			
2. Sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch năm 2015	316,89	104,4%		
3. Sản lượng điện thương phẩm thực hiện năm 2015	377,94	124,5%	119,2%	

- Tình hình sản xuất, vận hành và bảo trì nhà máy:
 - + Trong năm qua, Nhà máy về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao, công tác sản xuất đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, CBCNV nhà máy đến nay mặc dù đã có nhiều tiến bộ so với thời gian đầu nhưng hiện nay vẫn chưa hoàn toàn làm chủ được công nghệ vận hành. Ngoài ra vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao có thể nắm bắt và làm chủ hoàn toàn được công nghệ trong nhà máy.
 - + Trong năm cũng có vài đợt lũ tuy chưa gây nguy hiểm cho công trình nhưng do lượng bùn đất đổ về, cộng thêm việc các thủy điện bậc trên xả về cũng khá lớn nên Công ty cũng phải thường xuyên nạo vét kênh xả, lòng hồ để đảm bảo lưu lượng nước tối ưu.
 - + Đầu tháng 11, Nhà máy cũng phải dừng máy 05 ngày để xả cạn tuyến hầm năng lượng phục vụ cho công tác kiểm tra tình trạng hầm khi hết hạn bảo hành kết hợp dừng máy để BTSC. Kết quả kiểm tra cho thấy kết cấu hầm sau hơn một năm vận hành vẫn đảm bảo ổn định, an toàn.
 - + Nhà máy cũng bắt đầu tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ 01/12/2015.

- Kết quả sản xuất kinh doanh của nhà máy.

Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh:

- + Hoạt động của nhà máy nhìn chung và hệ thống thiết bị nói riêng chưa ổn định: Do Công ty mới nhận bàn giao thiết bị để lâu từ các nhà thầu nên chưa hoàn toàn làm chủ được hệ thống thiết bị, vẫn thường xuyên xảy ra các lỗi nhỏ sự cố - thay thế dẫn đến phát sinh chi phí sửa chữa, thuê chuyên gia và mua sắm thiết bị dự phòng, thay thế.
- + Tình hình thủy văn như đã báo cáo ở phần trên đánh giá chung là vừa phải và không có diễn biến thời tiết phức tạp, bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy.
- + Về công tác quản lý, công tác tài chính: Với tỉ lệ vốn vay chiếm 80% TMĐT nên dự án thủy điện Ngòi Phát có dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng rất lớn: Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng gần 50% doanh thu, đồng thời gánh theo chi phí bảo lãnh vay vốn lớn trên số

đư nợ hơn 1.000 tỷ đồng. Công tác thu hồi vốn, dòng tiền bán hàng đạt yêu cầu, bình quân tiền về sau 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đầy đủ hồ sơ thanh toán lên Công ty Mua bán điện, qua đó Công ty sử dụng dòng tiền linh hoạt, hiệu quả hơn.

- + Trong năm 2015, Công ty cũng được quan tâm, ủng hộ tích cực của Tổng công ty Vinaconex thông qua việc được Tổng công ty giảm phí bảo lãnh vay vốn ngân hàng BIDV từ 2%/năm xuống 1%/năm trên tổng dư nợ vay của Ngân hàng BIDV kể từ tháng 07/2015 (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng). Ngoài ra, việc BIDV đồng ý giảm 0,5% lãi suất biên (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng) góp phần tăng đáng kể hiệu quả hoạt động SXKD của nhà máy.
- + Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong năm đầu tiên. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Sản lượng	Đvt	SL kế hoạch và thực hiện	Sản lượng theo công suất thiết kế	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Sản lượng kế hoạch 2015	Tr.kwh	316,89	303,5	13,39	104,4%
2	Sản lượng thực hiện 2015	Tr.kwh	377,94	303,5	74,94	124,5%

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	316,89	377,94	61,05	119,2%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	312,4	386,34	73,94	123,4%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	312,9	318,56	5,66	100,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(0,5)	67,78		
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng		51,69		

2. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).
 - + Chỉ tiêu cơ cấu tài sản: Theo số liệu trình bày Báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31/12/2015 Tổng tài sản năm 2015 là: 2.056,4 tỷ đồng so với Tổng tài sản năm 2014 là 2.034,5 tỷ đồng đã tăng 22 tỷ đồng tương ứng tăng 1,08% so với năm 2014 nguyên nhân tăng không đáng kể so với Tổng tài sản năm 2014 do đầu năm 2015 Công ty đã hoàn thành nhà máy thủy điện Ngòi Phát đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ chi phí xây dựng dở dang của công trình nhà máy thủy điện Ngòi Phát kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
 - + Công ty không có biến động lớn về các khoản phải trả các khoản nợ phải trả là các khoản giữ lại của các hợp đồng thi công dự án thủy điện Ngòi Phát, các chi phí phải trả trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản này sẽ thanh toán cho các Nhà thầu khi các nhà thầu quyết toán hợp đồng và các chi phí sản xuất kinh doanh đến kỳ thanh toán.
 - + Năm 2015 Công ty đưa nhà máy thủy điện Ngòi Phát đi vào sản xuất kinh doanh đã có doanh thu đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ vay Ngân hàng
 - + Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Năm 2015 Công ty đưa nhà máy thủy điện Ngòi Phát đi vào sản xuất kinh doanh đã có doanh thu đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ vay Ngân hàng nên không có khoản nợ xấu).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

- Ban lãnh đạo luôn luôn hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo, chức năng nhiệm vụ rõ ràng và phân cấp quản lý từ Lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Định hướng 05 năm (2015-2020) tập trung vào các mục tiêu chính như sau:

- Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
- Phấn đấu cổ tức chi trả cho cổ đông trên 10%.
- Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Tập trung quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước và hoàn thành phê duyệt quyết toán trong quý III/2016;
- Đầu tư xây dựng dự án Nâng công suất nhà máy thủy điện Ngòi Phát. Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô nhỏ dưới 30 MW tại tỉnh Lào Cai và/hoặc vùng Tây Bắc;
- Tìm kiếm và tham gia vào các dự án kinh doanh khai thác khoáng sản và khai thác VLXD, nước sạch tại Lào Cai là những thế mạnh của tỉnh Lào Cai và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai được phê duyệt;
- Tiến tới hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư. Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, coi đó là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

- Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2015 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục IV. Báo cáo tài chính, trong đó nêu rõ ý kiến kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

- ❖ **Thực hiện:**
 - Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;
 - Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
 - Luật PCCN ngày 12/07/2001 và luật PCCN sửa đổi ngày 22/11/2013;
 - Nghị định Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng ngày 14/01/2008;
- ❖ **Đánh giá các chỉ tiêu môi trường:**
 - Tiêu thụ nước: 465.870.096 m³/năm;
 - Tiêu thụ năng lượng: 295.2 Mwh/năm;
 - Phát thải thường xuyên: 3.920 kg/năm (**sản xuất**) và 1.000 kg/năm (**sinh hoạt**).
- ❖ **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có.**
 - c. **Đánh giá trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Là doanh nghiệp có dự án thủy điện trên địa bàn của ba xã Bản Vược, Bàn Xèo, Dền Thàng doanh nghiệp có trách nhiệm bảo vệ môi trường nơi dự án hoạt động, trồng rừng, đào tạo, tuyển dụng lao động địa phương vào làm việc tại nhà máy, hỗ trợ, ủng hộ cho địa phương xây dựng nhà cộng đồng, đẩy mạnh phong trào làm từ thiện giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn....

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Hội đồng quản trị

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị: Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên đến 31/12/2015:
 1. Ông Nguyễn Ngọc Điệp Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
 2. Ông Nguyễn Hữu Ngọc Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
 3. Ông Ứng Hồng Vận Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
 4. Ông Nguyễn Thanh Hoàn Thành viên HĐQT
 5. Bà Mạc Thị Thanh Xuân Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn BIDV)

(Bà Mạc Thị Thanh Xuân đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty ngày 28/12/2015).

Về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2015, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định/nghị quyết chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:
 - + Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT.
 - + Duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định (03 tháng một lần) và họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình cũng như số lượng thành viên dự họp và biểu quyết thông qua theo luật định các nội dung vấn đề được nêu ra. Đồng thời, thường xuyên trao đổi thông tin, bàn bạc thảo luận, phối hợp thống nhất chỉ đạo giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị để đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu về đầu tư và SXKD của Công ty.
- **Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty**
 - * **Doanh thu và lợi nhuận:**
 - + Năm 2015 là năm đầu đi vào vận hành sản xuất nên chưa có số liệu thủy văn thống kê của năm trước để so sánh, Công ty dựa vào số liệu thủy văn tổng hợp của 47 năm trong thiết kế làm cơ sở để lập kế hoạch vận hành SXKD 2015. Năm nay ít mưa và mùa mưa đến muộn đối với toàn khu vực miền Bắc nhưng tại lưu vực Ngòi Phát tình hình thủy văn vừa phải và mưa đều. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi Phát là hồ dung

tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ.

- + Vào mùa khô, Nhà máy đã tận dụng triệt để lượng nước để vận hành phát điện, đồng thời thực hiện công tác sửa chữa bảo trì sửa chữa. Vào mùa mưa nhiều nước Nhà máy đã thường xuyên vận hành các tổ máy ở công suất tối đa 108% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, mặc dù mới là năm đầu vào vận hành nhưng Công ty và Nhà máy đã có sự liên hệ và phối hợp rất tốt với các cấp điều độ Ao, A1 (thuộc EVN) dẫn đến các tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về.
- + Tối ưu công tác vận hành - BTSC - khắc phục sự cố tăng công suất vận hành tức thời, tăng thời gian vận hành so với thiết kế.
- + Tổng hợp từ các yếu tố trên, Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng (triệu kWh)	Tỷ lệ % so với thiết kế	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Ghi chú
1. Sản lượng điện thương phẩm theo công suất thiết kế	303,5			
2. Sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch năm 2015	316,89	104,4%		
3. Sản lượng điện thương phẩm thực hiện năm 2015	377,94	124,5%	119,2%	

- + Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong năm đầu tiên. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	316,89	377,94	61,05	119,2%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	312,4	386,34	73,94	123,4%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	312,9	318,56	5,66	100,1%
	<i>Tiền lương</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17,83</i>	<i>19,2</i>	<i>1,37</i>	
	<i>BHXH, BHYT, BHTN, ăn ca, chế độ khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,4</i>	<i>2,76</i>	<i>0,36</i>	
	<i>Chi phí quản lý</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,78</i>	<i>2,5</i>	<i>-0,28</i>	
	<i>Chi phí sản xuất nhà máy: sửa chữa thường xuyên, vật tư thay thế..</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12,5</i>	<i>12,5</i>		
	<i>Khấu hao</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>68,4</i>	<i>69,2</i>	<i>0,8</i>	
	<i>Phí DVMTR, thuế tài nguyên</i>		<i>25,4</i>	<i>30,4</i>	<i>5,0</i>	
	<i>Bảo hiểm tài sản HTSĐT</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,0</i>	<i>2,8</i>	<i>0,2</i>	

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)
	Chi phí các dự án Chu Linh-Cốc San, Tà Thành phân bổ vào năm 2015	Tỷ đồng		8,9	8,9	
	Chi phí đầu tư trước hoạt động theo ý kiến kiểm toán đầu tư phân bổ vào năm 2015	Tỷ đồng		3,57	3,57	
	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng		2,0	2,0	
	Chi phí khác	Tỷ đồng		5,59	5,59	
	Lãi vay	Tỷ đồng	154,3	142,4	-11,9	
	Phí bảo lãnh vay vốn	Tỷ đồng	22,1	16,2	-5,9	
	Phí Bảo lãnh mua cổ phần của Techcombank	Tỷ đồng	4,2		-4,2	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(0,5)	67,78		
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng		51,69		

- Tình hình tài chính của Công ty

+ Với kết quả sản xuất kinh doanh trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Tình hình trả nợ gốc dự án thủy điện Ngòi Phát (ĐVT: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu năm	Kế hoạch trả nợ gốc vay	Đã trả nợ gốc vay	Giải ngân trong năm	Dư nợ gốc vay cuối năm	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	1.059	32	82	70	1.047	256%
2	VDB	351	15,8	15,8	48	386	100%
	Cộng	1.410	47,8	97,8	118	1.433	

- Tình hình trả nợ lãi dự án thủy điện Ngòi Phát (ĐVT: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Kế hoạch trả nợ lãi	Đã trả nợ lãi vay	Chênh lệch	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Ngân hàng BIDV	107,8	107,8	0	100%
2	Ngân hàng VDB	34,4	34,4	0	100%
	Cộng	142,2	142,2		

- Tình hình quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát

Năm 2015, ngoài việc tập trung tổ chức SXKD, vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát và triển khai nghiên cứu, xúc tiến chuẩn bị đầu tư một số dự án thủy điện mới, công tác quyết

toán công trình thủy điện Ngòi Phát được NEDI2 đặc biệt chú trọng quan tâm thực hiện. Kết thúc năm 2015, tổng hợp giá trị quyết toán dự án hoàn thành như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

St	Hạng mục công trình	Tổng mức đầu tư Dự án	Giá trị quyết toán hoàn thành năm 2015	Tỷ lệ hoàn thành
1	Chi phí xây dựng	1.042,99	924,11	89%
2	Chi phí thiết bị	390,11	403,72	100%
3	Bồi thường, hỗ trợ và GPMB	29,52	17,52	59%
4	Quản lý dự án	76,88	76,88	100%
5	Tư vấn đầu tư xây dựng	61,23	2,04	3%
6	Chi phí khác	73,15	67,80	93%
6.1	<i>Các chi phí khác</i>	48,74	43,39	89%
6.2	<i>Chi phí bảo lãnh vốn vay</i>	24,41	24,41	100%
7	Lãi vay trong TGXD	483,36	483,36	100%
8	Kết quả sản xuất thử	-70,49	(70,49)	100%
9	Dự phòng phí	42,99	<i>Dự phòng phí: đã sử dụng 24 tỷ đồng, được phân bổ vào quyết toán các gói thầu XB và TB</i>	
	Tổng cộng	2.129,7	1.904,94	89%

Đánh giá chung: Kết thúc năm 2015, giá trị quyết toán hoàn thành A-B đạt 1.904,94 tỷ đồng, tương đương 89% tổng mức đầu tư dự án.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự đóng góp của Ban giám đốc công ty năm 2015 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và thực thi các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên cần lưu ý một số công việc sau để đảm bảo phát huy tinh thần sáng tạo và hoàn thành kế hoạch năm 2016.
- Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, kiện toàn bộ máy của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, đội ngũ vận hành nhà máy đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ SXKD năm 2015, tạo ra lợi nhuận là 67 tỷ đồng và cơ bản đáp ứng tiếp độ quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát với giá trị quyết toán lên đến 1.912 tỷ đồng/2.129 tỷ đồng TMĐT đạt 90% TMĐT. Đánh giá đây là nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành Công ty trong việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban Điều hành cũng thường xuyên đưa ra được những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí, cụ thể:
- Với đề xuất của Ban điều hành Tổng công ty giảm phí bảo lãnh vay vốn ngân hàng BIDV từ 2%/năm xuống 1%/năm trên tổng dư nợ vay của Ngân hàng BIDV kể từ tháng 07/2015 (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng) và đã làm việc với Ngân hàng BIDV giảm 0,5% lãi suất biên (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng) góp phần tăng đáng kể hiệu quả hoạt động SXKD của nhà máy.
- Tuy nhiên Ban điều hành cần lưu ý một số công việc sau để đảm bảo phát huy tinh thần sáng tạo và hoàn thành kế hoạch năm 2016 đã được nêu trong Báo cáo Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty:
- Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, kiện toàn bộ máy của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, đội ngũ vận hành nhà máy đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Công ty theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm 2015 và định hướng phát triển công ty giai đoạn 2015 – 2020; HĐQT đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2016 như sau:

- Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Tập trung quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước;
- Nghiên cứu phương án đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng và tiếp tục triển khai tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới tại địa bàn Lào Cai.
- Triển khai đầu tư dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa theo quy hoạch được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

(Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

Ứng Hồng Vận	Thành viên	Kiểm Giám đốc
Mạc Thị Thanh Xuân	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thành Phương	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

- Tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của công ty ngày 10/4/2015, Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2014-2019):
 - + Từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty của Ông Nguyễn Phúc Hường từ ngày 10/4/2015.
 - + Bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty của Ông Nguyễn Hữu Ngọc (nhiệm kỳ năm 2014-2019) từ ngày 10/4/2015.
- Ngày 28/12/2015 Bà Mạc Thị Thanh Xuân có đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Nedi2
- Ngày 03/02/2016 Nghị quyết số 30/NQ2016/NEDI2-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty về việc chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Bà Mạc Thị Thanh Xuân và bổ nhiệm tạm thời Ông Nguyễn Thành Phương làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Nedi2
- Việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Phương làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty NEDI2 sẽ được thông qua chính thức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
- Ngày 04/02/2016 Ông Nguyễn Thanh Hoàn có đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Nedi2

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	tỷ lệ
Nguyễn Ngọc Điệp	25.700.000	không có	61,88%
Nguyễn Hữu Ngọc	3.000.000	Không có	7,22%
Ứng Hồng Vận	3.000.000	5.500 CP	7,24%
Mạc Thị Thanh Xuân		5.200 CP	
Nguyễn Thanh Hoàn	89.000		0,21%
Nguyễn Thành Phương			

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

Stt	Lần họp HĐQT	Ngày họp
1	Lần 1 (số 07)	25/02/2015 Họp HĐQT về việc nhất trí thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	Lần 2 (số 08)	14/03/2015 Họp HĐQT thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên 2015 và báo cáo kết quả SXKD năm 2014, kế hoạch năm 2015, tóm tắt báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.

3	Lần 3 (Số 09)	24/04/2015 Họp HĐQT V/v thống nhất chủ trương đầu tư mua sắm mới xe ô tô 7 chỗ ngồi
4	Lần 4 (Số 10)	12/6/2015 Họp HĐQT V/v xin phê duyệt chủ trương cho phép tổ chức triển khai nghiên cứu, đánh giá và xúc tiến hợp tác đầu tư dự án thủy điện Suối Chăn 1, tỉnh Lào Cai.
5	Lần 5 (Số 11)	28/07/2015 Họp HĐQT V/v thông qua nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa giữa Nedi2 và Vinaconex.
6	Lần 6 (Số 12)	25/07/2015 Họp HĐQT V/v đánh giá tình hình hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2015 và định hướng kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015.
7	Lần 7 (Số 13)	14/10/2015 Họp HĐQT V/v đánh giá tình hình hoạt động của Công ty 9 tháng đầu năm 2015 và định hướng kế hoạch 3 tháng cuối năm 2015.
8	Lần 8 (Số 14)	27/10/2015 Họp HĐQT V/v xin bổ sung quỹ lương năm 2015. nhằm mục tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2015
9	Lần 10 (Số 16)	28/10/2015 Họp HĐQT V/v: Thông qua thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội; Thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động của văn phòng đại diện tại Hà Nội. Bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện.
10	11 (Số 17)	08/12/2015 Họp HĐQT V/v đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong tháng 11/2015 và rà soát tình hình xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
Nguyễn Phúc Hưởng	Thành viên	2/2	100%	Từ nhiệm chức danh HĐQT Công ty từ ngày 10/4/2015
Mạc Thị Thanh Xuân	Thành viên	10/10	100%	
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	8/10	80%	(02 buổi vắng mặt có lý do đi công tác)
Ứng Hồng Vận	Thành viên	10/10	100%	
Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	6/8	75%	Thành viên HĐQT Công ty (nhiệm kỳ năm 2014-2019) từ ngày 10/4/2015 (02 buổi vắng mặt có lý do đi công tác)

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2015):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 18/NQ/2015/NEDI2-HĐQT	25/2/2015	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện Tổ chức Đại hội đồng thường niên 2015.
2	Số 19/NQ/2015/NEDI2-HĐQT	14/3/2015	Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên 2015 và Báo cáo kết quả SXKD năm 2014, kế hoạch năm 2015, tóm tắt báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.
3	Số 20 /NQ/NEDI2-HĐQT	22/03/2015	Phê duyệt bổ sung nguồn vốn phát sinh cho gói thầu TB01: “ Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công” dự án thủy điện Ngòi Phát, tỉnh Lào Cai
4	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2015	10/04/2015	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
5	Số 21 /NQ/2015/NEDI2-HĐQT	24/4/2015	Thống nhất chủ trương đầu tư mua sắm mới xe ô tô 7 chỗ ngồi cho Công ty phục vụ hoạt động SX kinh doanh.
6	Số 22 /NQ/2015/NEDI2-HĐQT	28/05/2015	Đăng ký giao dịch chứng khoán niêm yết bổ sung thêm cho đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn năm 2013 và năm 2014 của Công ty Nedi2
7	Số 23 /NQ/2015/NEDI2-HĐQT	12/6/2015	V/v phê duyệt chủ trương cho phép tổ chức triển khai nghiên cứu, đánh giá và xúc tiến hợp tác đầu tư dự án thủy điện Suối Chăn 1, tỉnh Lào Cai
8	Số 24/NQ/2015/NEDI2-HĐQT	17/07/2015	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty Nedi2.
9	Số 25/NQ/2015/NEDI2-HĐQT	28/07/2015	Thống nhất thông qua nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa với Tổng công ty Vinaconex
10	Số 26/NQ/2015/NEDI2-HĐQT	14/09/2015	Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Đức Cường Quyền Giám đốc nhà máy giữ chức Giám đốc nhà máy thủy điện Ngòi Phát
11	Số 27/NQ/2015/NEDI2-HĐQT	27/10/2015	V/v yêu cầu Ban điều hành tập trung chỉ đạo SXKD để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất đã được ĐHCĐ đề ra năm 2015; Thông qua bổ sung quỹ lương khi hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHCĐ đề ra năm 2015

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành. (không có)
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo
Nguyễn Ngọc Điệp	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Nguyễn Phúc Hưởng	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Mạc Thị Thanh Xuân	Thạc sỹ kinh tế
Nguyễn Thanh Hoàn	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp

2/ Ban kiểm soát.

a/ Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Cổ phần khác
Đặng Thanh Huấn	Không có	9.900 CP	Không có
Hoàng Trọng Thạch	Không có	Không có	Không có
Nguyễn Xuân Dũng	Không có	5.200 CP	Không có

b/ Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2015, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong năm 2015 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - + Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
 - + Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
 - + Ban Kiểm soát đã thực hiện 01 đợt kiểm tra, soát xét BCTC 6 tháng năm 2015 tại Công ty.
- **Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:**
 - + Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp định kỳ (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng

- đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với các quy định của pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động của công ty trong năm.
- + Hội đồng quản trị đã ban hành 11 Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:
 - Phê duyệt bổ sung nguồn vốn phát sinh cho gói thầu TB01: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công" dự án thủy điện Ngòi Phát, tỉnh Lào Cai.
 - Đăng ký giao dịch chứng khoán niêm yết bổ sung thêm cho đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn năm 2013 và năm 2014 của Công ty Nedi 2.
 - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2015.
 - Thống nhất thông qua nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá với Tổng công ty Vinaconex.
 - Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Đức Cường quyền Giám đốc nhà máy giữ chức Giám đốc nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
 - Thông qua bổ sung quỹ lương khi hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra năm 2015.
 - Và các Nghị quyết khác liên quan đến việc định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
 - + Hội đồng quản trị cũng thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành trong thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2015.
 - + Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- **Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc**
- + Tình hình SXKD và vận hành nhà máy thủy điện: Năm 2015 là năm đầu hoạt động chính thức của nhà máy. Ban điều hành đã chỉ đạo Nhà máy bố trí, sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động; ban hành các quy trình, quy chế cho việc vận hành nhà máy. Do đó, hoạt động của nhà máy đã sớm đi vào hoạt động ổn định, góp phần quan trọng vào thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.
 - + Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 2015 về giá trị sản lượng đã thực hiện. Giá trị sản lượng điện thương phẩm đạt 377,94 triệu kwh (bằng 119,2% kế hoạch năm), doanh thu đạt 386,34 tỷ đồng (bằng 123,4% kế hoạch năm), có lợi nhuận vượt xa so với kế hoạch.
 - + Công tác quyết toán dự án nhà máy thủy điện Ngòi Phát: Việc quyết toán dự án được Công ty đặc biệt quan tâm, kết thúc năm 2015 đã hoàn thành được 89% giá trị thực hiện.
 - + Đánh giá chung: Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, cố gắng vượt bậc trong năm, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2015. Bên cạnh đó Công ty cần hoàn thiện hệ thống quản lý thống nhất bằng các qui định cụ thể, áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác điều hành trong toàn Công ty. Ban điều hành cần chỉ đạo các Phòng, Ban, cá nhân có liên quan sớm hoàn thành quyết toán Nhà máy và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- **Thẩm định Báo cáo tài chính**
- + Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính
 - Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán Công ty niêm yết.
 - Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2015, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.
- + Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015
- Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 415.296.507.633đ.
 - Số dư vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31/12/2015 là 1.441 tỷ đồng.
 - Trong năm 2015, công ty đã trả đúng hạn nợ gốc và lãi vay các tổ chức tín dụng.
 - Nguyên giá tài sản cố định là 1.974 tỷ đồng, trong đó nguyên giá Nhà máy thủy điện Ngòi Phát tạm tăng chờ quyết toán để khấu hao khi nhà máy đi vào hoạt động là 1.970 tỷ đồng.
- **Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015**
- + Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 và trả cổ tức
 - + Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
 - + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015
- **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 của Công ty như sau:**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kwh	316,89	377,94	119%
2. Doanh thu	Tỷ đồng	312,4	386,34	123%
3. Chi phí SXKD	Tỷ đồng	312,9	318,56	100%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-0,5	67,78	-
5. Cổ tức (dự kiến)	%	0	10%	

Căn cứ số liệu trong các bảng tổng hợp nêu trên, năm 2015 Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 đã thông qua, trong đó: sản lượng điện thương phẩm đạt 119% kế hoạch; tổng doanh thu đạt 123% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 67,78 tỷ đồng, tăng 68,28 tỷ đồng so với kế hoạch; tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 10% (kế hoạch 0).

- **Tình hình thực hiện quyết toán Dự án Thủy điện Ngòi Phát**

Trong năm 2015, Công ty đã phối hợp với công ty kiểm toán vốn đầu tư dựa án thủy điện Ngòi phát tổng hợp số liệu, tài liệu pháp lý với tổng giá trị 1.904,94 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Hạng mục công trình	Tổng mức ĐT dự án	GT quyết toán	Tỷ lệ HT
1. CP xây dựng	1.042,99	924,11	89%
2. CP thiết bị	390,11	403,72	100%
3. CP Giải phóng mặt bằng	29,52	17,52	59%
4. CP Quản lý dự án	76,88	76,88	100%
5. CP tư vấn ĐTXD	61,23	2,04	3%

6. CP khác	73,15	67,80	93%
7. Lãi vay	483,36	483,36	100%
8. Bù trừ bằng DT phát điện thử	-70,49	-70,49	100%
9. Dự phòng	42,99	-	
Tổng cộng	2.129,7	1.904,94	89%

- **Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2015**
 - + Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2015 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- **Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015.**
 - + Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.
- **Về thực hiện kế hoạch đầu tư**
 - + Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 đã thông qua, năm 2015: Công ty sẽ thực hiện đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng với giá trị đầu tư là 2,85 tỷ đồng và dự án khu đô thị Thủy Hoa là 14,16 tỷ đồng. Trong năm 2015, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đầu tư tại 02 dự án này, chi tiết đã được trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trình Đại hội cổ đông năm 2016.
- **Kiến nghị**
 - + Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty hoàn thành quyết toán dự án Thủy điện Ngòi Phát.
 - + Đề nghị Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành xây dựng mới, hoàn thiện các quy chế quản trị doanh nghiệp: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế tài chính,... để hoạt động của công ty được minh bạch, hiệu quả hơn.
 - + Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Công ty năm 2015

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và ban Kiểm soát.

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác.

Tổng mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thông qua là: 508.800.000 đồng, trong đó của Hội đồng quản trị là: 360.000.000 đồng, của Ban kiểm soát là: 132.000.000 đồng và tiền điện thoại cho 07 thành viên là 16.800.000 đồng

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	10.000.000 đ/tháng	5.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng

BAN KIỂM SOÁT

Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	5.000.000 đ/tháng	3.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng

BAN GIÁM ĐỐC

Chức danh	Giám Đốc điều hành	Phó Giám đốc
Lương cố định	35.000.000 đ/tháng	29.400.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	800.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng
Tiền ăn trưa	800.000 đ/tháng	800.000 đ/tháng

Ngoài các quyền lợi trên, các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành được quy định theo Điều lệ công ty và các văn bản chính sách hiện hành của nhà nước đối với công ty cổ phần.

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển nhượng)
			Số cổ phiếu sở hữu	tỷ lệ	Số cổ phiếu sở hữu	tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm	Ủy viên HĐQT	276,600	0,67%	89,000	0,21%	Giảm do bán
2	Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	Ủy viên HĐQT	1,308,325	3,15%	0	0%	Giảm do bán
3	Nguyễn Hải Đăng	PGĐ Công ty	23,100		26,000		Tăng do mua
4	Trần Vĩnh Hào	PGĐ Công ty	-		3,000		Tăng do mua
5	Trần Ngọc Thủy	Người Công bố TT	16,000		17,400		Tăng do mua
6	Đông Thị Lan	Cổ đông lớn	-		3,457,500	8,32%	Tăng do mua

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Công ty, các công ty con, các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát của thành Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không có

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
Giám đốc Công ty**

**Ứng Hồng Vận
(Đã ký)**

Số: 80 CBTT/2016/ND2
Công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2015
đã được Kiểm toán.

Lào Cai, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
– Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 xin trân trọng thông báo tới Quý đơn vị như sau:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
 - Mã chứng khoán: ND2
 - Trụ sở chính: Số 336 Đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
 - Điện thoại: 020 33 501 540 Fax: 0203 906 661
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
- Nội dung công bố thông tin:
 - Công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập ngày 29/02/2016 đã được Kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn KPMG.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/02/2015 Tại đường dẫn <http://www.nedi2.com.vn> của Công ty.

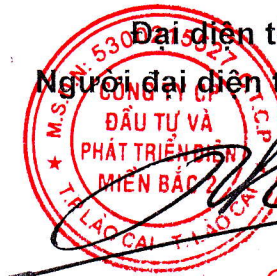
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

- Tài liệu đính kèm:
01 bản công chứng Báo cáo tài chính năm 2015

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo Pháp luật



GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 8 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 5 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Nguyễn Thanh Hoàn
Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 10 tháng 4 năm 2015)

Ông Nguyễn Phúc Hường

Thành viên
(đến ngày 10 tháng 4 năm 2015)

Ông Ứng Hồng Vận
Bà Mạc Thị Thanh Xuân

Thành viên
Thành viên
(đến ngày 18 tháng 12 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 336, Đường Hoàng Liên
Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ông Hồng Vận
Giám đốc

Thành phố Lào Cai, 29 -02- 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với một số điểm cần nhấn mạnh đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 2 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-203



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Lê Việt Hùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		132.513.934.486	147.791.262.206
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	71.538.546.625	16.878.405.960
Tiền	111		11.538.546.625	16.878.405.960
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.641.709.611	130.651.657.263
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.727.542.578	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.490.807.062	23.890.917.076
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.423.359.971	106.760.740.187
Hàng tồn kho	140	8	9.713.934.067	-
Hàng tồn kho	141		9.713.934.067	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		619.744.183	261.198.983
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		574.264.161	229.460.925
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	31.738.058
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.923.840.981.417	1.886.657.675.925
Tài sản cố định	220		1.912.588.214.027	8.651.325.048
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.904.296.908.896	360.019.917
Nguyên giá	222		1.974.089.893.197	1.740.315.924
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.792.984.301)	(1.380.296.007)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.681.315.849	1.867.447.381.354
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	10.681.315.849	1.867.447.381.354
Tài sản dài hạn khác	260		571.451.541	10.558.969.523
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	571.451.541	10.558.969.523
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.056.354.915.903	2.034.448.938.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.560.888.311.785	1.598.142.634.338
Nợ ngắn hạn	310		159.376.699.203	308.393.077.387
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.987.475.179	122.729.726.738
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	5.015.305.141	5.462.248.239
Phải trả người lao động	314		7.695.446.046	4.266.308.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	27.481.142.375	26.152.042.285
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	11.343.330.462	28.377.284.454
Vay ngắn hạn	320	17(a)	40.854.000.000	121.405.467.106
Nợ dài hạn	330		1.401.511.612.582	1.289.749.556.951
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	203.000.000	210.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.401.308.612.582	1.289.539.556.951
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		495.466.604.118	436.306.303.793
Vốn chủ sở hữu	410	18	495.466.604.118	436.306.303.793
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	8.628.956.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	69.527.646.485	1.738.390.092
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.738.390.092	1.589.839.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		67.789.256.393	148.550.823
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.056.354.915.903	2.034.448.938.131

29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ưng Hồng Vận
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01		374.485.952.024	-
Giá vốn hàng bán	11		116.647.759.738	-
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		257.838.192.286	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	11.035.998.663	172.587.387
Chi phí tài chính	22	22	162.381.604.250	11.419.217
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		143.603.067.699	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	39.497.680.865	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		66.994.905.834	161.168.170
Thu nhập khác	31		826.673.260	73.337.083
Chi phí khác	32		32.322.701	44.055.481
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		794.350.559	29.281.602
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.789.256.393	190.449.772
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	41.898.949
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		67.789.256.393	148.550.823
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.632	2

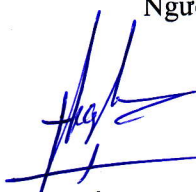
29 -02- 2016

Người lập:

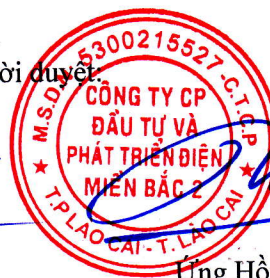


Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.789.256.393	190.449.772
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.412.688.294	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.842.349.448	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(870.063.951)	(238.587.387)
Chi phí lãi vay	06		143.603.067.699	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		281.777.297.883	(48.137.615)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		79.651.402.452	(3.310.291.433)
Biến động hàng tồn kho	10		(9.713.934.067)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(16.991.047.239)	12.751.792.277
Biến động chi phí trả trước	12		2.391.222.917	225.184.026
			337.114.941.946	9.618.547.255
Tiền lãi vay đã trả	14		(156.794.011.753)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.562.869)	(116.029.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		180.300.367.324	9.502.517.549
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(157.727.879.135)	(494.602.213.511)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	66.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		870.063.951	172.587.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(156.857.815.184)	(494.363626.124)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	62.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		167.897.332.295	490.047.305.055
Tiền trả nợ gốc vay	34		(136.679.743.770)	(87.831.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.217.588.525	464.216.305.055
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		54.660.140.665	(20.644.803.520)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	16.878.405.960	37.523.209.480
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	71.538.546.625	16.878.405.960

29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chính thức đi vào hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 98 nhân viên (1/1/2015: 92 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(m)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của khoản lãi chênh lệch tỷ giá trước đây được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái là 8.629 triệu VND được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng 8.629 triệu VND.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	116.992.361	2.272.396.028
Tiền gửi ngân hàng	11.421.554.264	14.606.009.932
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	71.538.546.625	16.878.405.960

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải thu người lao động	12.091.828	11.811.871
Các khoản chi hộ	1.508.108.163	2.276.093.455
Phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện (*)	-	98.160.494.316
Tạm ứng	6.551.257.179	5.305.572.372
Ký cược, ký quỹ	250.972.714	250.972.714
Phải thu khác	1.100.930.087	755.795.459
	9.423.359.971	106.760.740.187

(*) Khoản phải thu khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện phản ánh doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử của dự án công trình thủy điện Ngòi Phát.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	489.503.623	-	-	-
Công cụ và dụng cụ	9.224.430.444	-	-	-
	9.713.934.067	-	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	66.050.958	329.611.934	1.344.653.032	1.740.315.924
Tăng trong năm	-	-	-	2.329.577.273	2.329.577.273
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.407.830.000.000	-	562.190.000.000	-	1.970.020.000.000
Số dư cuối năm	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	66.050.958	289.296.781	1.024.948.268	1.380.296.007
Khấu hao trong năm	40.224.285.714	-	28.063.273.376	125.129.204	68.412.688.294
Số dư cuối năm	40.224.285.714	66.050.958	28.352.570.157	1.150.077.472	69.792.984.301
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	-	40.315.153	319.704.764	360.019.917
Số dư cuối năm	1.367.605.714.286	-	534.167.041.777	2.524.152.833	1.904.296.908.896

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015 là 721 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chuyển sang tài sản cố định hữu hình từ xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 486.504 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Số dư đầu năm	1.867.447.381.354	1.350.242.716.519
Tăng trong năm	111.845.316.131	517.204.664.835
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	7.596.295.065	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	(1.970.020.000.000)	-
Xóa sổ	(6.187.676.701)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.681.315.849	1.867.447.381.354

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	7.562.220.374	1.859.169.067.017
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh – Cốc San (*)	-	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sử Pán (*)	-	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (*)	-	1.450.000.000
Dự án Ngòi Phát mở rộng	36.363.636	-
Dự án suối Chăn	690.909.090	-
	<hr/>	<hr/>
	10.681.315.849	1.867.447.381.354

(*) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh – Cốc San, Sử Pán, Tà Thàng với tổng phí phát sinh là 6.188 triệu VND đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định ghi nhận các khoản trên vào chi phí trong năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán Dự án Thủy điện Chu Linh – Cốc San (*) VND	Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán – Dự án Thủy Điện Ngòi Phát VND	Chi phí thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.938.961.039	7.596.295.065	23.713.419	10.558.969.523
Tăng trong năm	-	-	4.490.390.892	4.490.390.892
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(7.596.295.065)	-	(7.596.295.065)
Xóa sổ	(2.938.961.039)	-	-	(2.938.961.039)
Phân bổ trong năm	-	-	(3.942.652.770)	(3.942.652.770)
Số dư cuối năm	-	-	571.451.541	571.451.541

(*) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh – Cốc San đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết ghi nhận các khoản trên vào chi phí trong năm.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	13.597.592.229	13.597.592.229	29.982.262.161	29.982.262.161
Công ty TNHH tư nhân Andritz Hydro	8.823.871.182	8.823.871.182	22.274.338.788	22.274.338.788
Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt thủy điện tỉnh Triết Giang	27.882.953.914	27.882.953.914	24.567.691.077	24.567.691.077
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.749.442.970	1.749.442.970	13.887.490.766	13.887.490.766
Các nhà cung cấp khác	14.933.614.884	14.933.614.884	32.017.943.946	32.017.943.946
	66.987.475.179	66.987.475.179	122.729.726.738	122.729.726.738

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	13.597.592.229	13.597.592.229	29.982.262.161	29.982.262.161
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.749.442.970	1.749.442.970	13.887.490.766	13.887.490.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	125.740.469	125.740.469	8.354.286.295	8.354.286.295
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	201.343.070	201.343.070	1.469.266.060	1.469.266.060
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	1.116.943.700	1.116.943.700	1.027.316.157	1.027.316.157
	16.791.062.438	16.791.062.438	54.720.621.439	54.720.621.439

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	34.309.907.208	(34.309.907.208)	-
Thuế nhà thầu	-	2.362.965.493	(992.302.338)	1.370.663.155
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.591.108)	-	(20.562.869)	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	(6.820.905)	670.248.336	(540.649.269)	122.778.162
Thuế tài nguyên	5.462.248.239	24.319.138.971	(26.259.523.386)	3.521.863.824
	5.430.510.181	61.662.260.008	(62.122.945.070)	4.969.825.119

Trong đó:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(45.480.022)	(31.738.058)
Thuế phải nộp Nhà nước	5.015.305.141	5.462.248.239
	4.969.825.119	5.430.510.181

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Lãi vay phải trả	12.961.098.231	26.152.042.285
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	14.520.044.144	-
	<hr/>	<hr/>
	27.481.142.375	26.152.042.285

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	109.262.259	234.330.272
Bảo hiểm xã hội	-	1.652.727
Bảo hiểm y tế	-	275.455
Bảo hiểm thất nghiệp	-	91.818
Các khoản phải trả khác	11.234.068.203	28.140.934.182
	<hr/>	<hr/>
	11.343.330.462	28.377.284.454

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	203.000.000	210.000.000
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải trả cho công ty mẹ	5.970.230.412	25.957.226.776
Phải trả các bên liên quan khác	41.158.810	33.423.282
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	27.004.451.770	(27.004.451.770)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	120.905.467.106	120.905.467.106	17.275.532.894	(97.827.000.000)	40.354.000.000	40.354.000.000
	121.405.467.106	121.405.467.106	44.279.984.664	(124.831.451.770)	40.854.000.000	40.854.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Vimeco	VND	14%	500.000.000	500.000.000

Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimeco, với số tiền vay là 500 triệu VND. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Công ty và Công ty Cổ phần Vimeco đã thỏa thuận thanh toán khoản vay này cùng với các khoản phải trả người bán đối với Công ty Cổ phần Vimeco khi hồ sơ quyết toán các công trình do Công ty Cổ phần Vimeco làm chủ thầu cho Công ty được hoàn thiện và phê duyệt.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	1.441.662.612.582	1.410.445.024.057
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(40.354.000.000)	(120.905.467.106)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.401.308.612.582	1.289.539.556.951

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.041.081.517.582	1.059.114.671.057
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	400.581.095.000	351.330.353.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				1.441.662.612.582 (40.354.000.000)	1.410.445.024.057 (120.905.467.106)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.401.308.612.582	1.289.539.556.951

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03.2015/PL với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NEDI2-SGD/HDTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục này sửa đổi thời gian thanh toán nợ gốc của Hợp đồng này thành 52 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 tháng, kỳ đầu tiên sẽ được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do số kỳ thanh toán nợ gốc và số tiền thanh toán từng kỳ thay đổi, khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã giảm so với ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2015		1/1/2015	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay ngắn hạn – Công ty Cổ phần Vimeco (*)	500.000.000	240.772.000	500.000.000	149.800.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay cho khoản vay quá hạn từ Công ty Cổ phần Vimeco lần lượt là 241 triệu VND và 150 triệu VND.

Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	353.296.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	374.136.339.133
Nhận góp vốn	62.000.000.000	-	-	-	62.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	148.550.823	148.550.823
Chênh lệch tỷ giá	-	-	21.413.837	-	21.413.837
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	67.789.256.393	67.789.256.393
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	421	8.947.295	487	10.389.848

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	870.063.951	172.587.387
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.165.934.712	-
	<hr/>	<hr/>
	11.035.998.663	172.587.387

22. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	143.603.067.699	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.842.349.448	-
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	15.870.375.014	-
Chi phí tài chính khác	65.812.089	11.419.217
	<hr/>	<hr/>
	162.381.604.250	11.419.217

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	16.882.709.850	-
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	352.520.137	-
Chi phí khấu hao	44.340.454	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.248.717.700	-
Chi phí khác	15.969.392.724	-
	<hr/>	<hr/>
	39.497.680.865	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.126.142.572	-
Chi phí nhân công	24.771.762.164	-
Chi phí khấu hao	68.412.688.294	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.594.293.048	-
Chi phí khác	51.240.554.525	-

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành	-	41.898.949

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.789.256.393	190.449.772
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.913.636.406	41.898.949
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.221.989	-
Ưu đãi thuế	(14.927.858.395)	-
	-	41.898.949

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư dự án được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 04 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2017). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi (2014: 22%).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 67.789 triệu VND (2014: 149 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (2014: 35.329.650 cổ phiếu).

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	15.870.375.014	18.748.307.558
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	34.992.938.026	-
Góp vốn	-	62.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Số tiền vay nhận trong năm	75.815.138.525	360.740.023.055
Số gốc vay trả trong năm	82.000.000.000	5.831.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	46.036.091.962	59.653.478.790
Góp vốn	-	8.387.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7		
Mua hàng	10.982.857.651	33.893.164.257
Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5		
Mua hàng	2.882.050.749	28.444.544.483
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	3.587.752.290	8.666.381.032
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.250.393.332	1.456.321.385

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	106.760.740.187	101.204.195.101
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.556.545.086

29 -02- 2016

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Giám đốc